

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức chi tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ,
tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất khi Nhà nước
thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG KHÓA XIX
KỲ HỌP THỨ 6**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật
ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của
Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số
47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về bồi
thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 148/2020/NĐ-
CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số nghị định
quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03
tháng 4 năm 2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định
hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 61/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh,
quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước
thu hồi đất;*

*Xét Tờ trình số 47/TTr-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về Dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi tổ chức thực hiện
bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi khi
Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số*

113/BC-HĐND ngày 03 tháng 7 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định mức chi tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện các dự án, tiểu dự án trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (*không áp dụng đối với các dự án di dân tái định cư Thủy điện Tuyên Quang*).

2. Các nội dung không được quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 61/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất (sau đây viết tắt là Thông tư số 61/2022/TT-BTC) và pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định của pháp luật.

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan tới việc lập, sử dụng và quyết toán kinh phí tổ chức được giao thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

1. Việc sử dụng mức chi tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất khi Nhà nước thu hồi đất phải thực hiện theo quy định của Nhà nước và những quy định tại Nghị quyết này.

2. Mức chi tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất tại Nghị quyết này là mức tối đa. Các tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất khi Nhà nước thu hồi đất căn cứ mức chi tại Nghị quyết này để tổ chức thực hiện theo đúng quy định.

3. Tổng mức chi cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất không được vượt quá mức trích

kinh phí theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 61/2022/TT-BTC và đảm bảo không làm vượt tổng dự toán đã được phê duyệt.

4. Khi các văn bản được viện dẫn để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản mới đó.

Điều 4. Mức chi tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất

1. Chi Hội nghị: Chi tổ chức các cuộc họp thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Ban hành Quy định chế độ chi công tác phí, chế độ chi hội nghị, chế độ chi tiếp khách áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang và các văn bản chế độ chính sách hiện hành có liên quan. Nội dung chi theo đặc điểm quy mô từng dự án, tiểu dự án nhưng phải đảm bảo tiết kiệm và có hiệu quả.

2. Chi hỗ trợ cán bộ và người trực tiếp tham gia làm công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất: Mức chi 150.000 đồng/người/ngày. Tùy theo quy mô và tính chất của từng dự án, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường quyết định số người thực hiện phù hợp với thực tiễn, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, tối đa không quá 15 người. Điều kiện được chi hỗ trợ cụ thể như sau:

a) Dự án có dưới 50 hộ phải bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất, thời gian hỗ trợ tính theo số ngày làm việc thực tế ngoài thực địa nhưng tối đa là 15 ngày/người.

b) Dự án có từ 50 đến 100 hộ phải bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất, thời gian hỗ trợ tính theo số ngày làm việc thực tế ngoài thực địa nhưng tối đa là 25 ngày/người.

c) Dự án từ trên 100 đến dưới 300 hộ phải bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất, thời gian hỗ trợ tính theo số ngày làm việc thực tế ngoài thực địa nhưng mức tối đa là 30 ngày/người.

d) Dự án có từ 300 đến dưới 500 hộ phải bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất, thời gian hỗ trợ tính theo số ngày làm việc thực tế ngoài thực địa nhưng mức tối đa là 60 ngày/người.

đ) Dự án có từ 500 hộ trở lên phải bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất, thời gian hỗ trợ tính theo số ngày làm việc thực tế ngoài thực địa nhưng tối đa là 90 ngày/người.

3. Chi hỗ trợ cán bộ thẩm định thực tế ngoài hiện trường công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất:

Mức chi 150.000 đồng/người/ngày. Tùy theo quy mô và tính chất của từng dự án, cơ quan có thẩm quyền quyết định số người thực hiện phù hợp với thực tiễn, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, tối đa không quá 9 người. Điều kiện được chi hỗ trợ cụ thể như sau:

a) Dự án có dưới 50 hộ phải bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất, thời gian hỗ trợ tính theo số ngày làm việc thực tế ngoài thực địa nhưng tối đa là 5 ngày/người.

b) Dự án có từ 50 đến 100 hộ phải bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất, thời gian hỗ trợ tính theo số ngày làm việc thực tế ngoài thực địa nhưng tối đa là 8 ngày/người.

c) Dự án có từ trên 100 đến dưới 300 hộ phải bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất, thời gian hỗ trợ tính theo số ngày làm việc thực tế ngoài thực địa nhưng tối đa là 12 ngày/người.

d) Dự án có từ 300 đến dưới 500 hộ phải bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất, thời gian hỗ trợ tính theo số ngày làm việc thực tế ngoài thực địa nhưng tối đa là 24 ngày/người.

đ) Dự án có từ 500 hộ trở lên phải bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất, thời gian hỗ trợ tính theo số ngày làm việc thực tế ngoài thực địa nhưng tối đa là 42 ngày/người.

4. Mức chi cho công tác lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất được duyệt:

a) Đối với dự án hoặc tiểu dự án có tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dưới 3.000 triệu đồng, mức chi không quá 0,5% tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ dự án hoặc tiểu dự án.

b) Đối với dự án hoặc tiểu dự án có tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư từ 3.000 triệu đồng đến dưới 10.000 triệu đồng, mức chi không quá 0,3% tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ dự án hoặc tiểu dự án.

c) Đối với dự án hoặc tiểu dự án có tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư từ 10.000 triệu đồng trở lên, mức chi không quá 0,2% tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ dự án hoặc tiểu dự án.

5. Mức chi cho công tác thẩm định và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất được duyệt:

a) Đối với dự án hoặc tiểu dự án có tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dưới 3.000 triệu đồng, mức chi không quá 0,25% tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ dự án hoặc tiểu dự án.

b) Đối với dự án hoặc tiểu dự án có tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư từ 3.000 triệu đồng đến dưới 10.000 triệu đồng, mức chi không quá 0,15% tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ dự án hoặc tiểu dự án.

c) Đối với dự án hoặc tiểu dự án có tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư từ 10.000 triệu đồng trở lên, mức chi không quá 0,1% tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ dự án hoặc tiểu dự án.

Điều 5. Lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế khi Nhà nước thu hồi đất

Việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán các nội dung chi tại Điều 4 Nghị quyết này thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật Ngân sách Nhà nước; Điều 6, Điều 7 và Điều 8 của Thông tư số 61/2022/TT-BTC và các văn bản quy định hiện hành có liên quan.

Điều 6. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với những dự án, tiểu dự án đã được phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư hoặc đang thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất khi Nhà nước thu hồi đất theo phương án đã được phê duyệt trước khi Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì vẫn tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 21/2011/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định mức trích kinh phí, nội dung và mức chi kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, mục đích phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Trường hợp phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất khi Nhà nước thu hồi đất đã được duyệt trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực nhưng phải điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định của pháp luật đất đai sau ngày Nghị quyết có hiệu lực thi hành thì phần điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được áp dụng theo quy định của Nghị quyết này.

3. Trường hợp dự án, tiểu dự án đang tổ chức thực hiện nhưng chưa được phê duyệt thì thực hiện như sau: Nội dung công việc đã thực hiện trước ngày Nghị quyết có hiệu lực thì thực hiện theo Quyết định số 21/2011/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang; nội dung công việc thực hiện kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì thực hiện theo Nghị quyết này.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIX, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 06 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 7 năm 2023.

2. Bãi bỏ Quyết định số 21/2011/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định mức trích kinh phí, nội dung và mức chi kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, mục đích phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Các Sở, Ban, Ngành của tỉnh;
- Sở Tư pháp (đăng tải CSDL);
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Báo Tuyên Quang, Đài phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Công báo Tuyên Quang, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, (Kh).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Thị Minh xuân